TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Minh Tân
2. Ông Nguyễn Bá Tòng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2017/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 04 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị N, sinh năm 1982

2. Bị đơn: Trương Văn Th, sinh năm 1985 (vắng)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Trương Văn T, sinh năm 1956 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp Phú T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/4/2017 và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm 2005 chị Trần Thị N và anh Trương Văn Th quen nhau được gia đình chấp T nên tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới chị N và Th chung sống đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ Ban nhân dân xã N Trường, huyện N Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn chị N về sinh sống với gia đình anh Th tại ấp Phú Thạnh, xã An Phú T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẩn do tính tình không hợp nhau, chị N và anh Th thường xuyên gây gỗ làm mất đi hạnh phúc, dù cha mẹ hai bên đã khuyên nhiều lần nhưng vợ chồng cũng

không thể hàn gắng lại được nên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Vì vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn Th.

- *Về con chung*: có 01 con chung tên là Trương Phúc Th sinh ngày 30/9/2009 đang sinh sống với anh Th, chị N đồng ý để anh Th nuôi con. Tại phiên tòa chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* không có

- *Về nợ chung*: không có.

Bị đơn anh Trương Văn Th, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tố tụng cho anh Th nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có bản khai.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T trình bày:

Anh Trương Văn Th là con của ông T, chị Trần Thị N là dâu. Chị N và anh Th chung sống với nhau có 01 con chung tên là Trương Phúc Thịnh, sinh ngày 30/9/2009. Khi chị N bỏ đi thì Phúc Thsinh sống với ông và anh Th, hiện nay anh Trương Văn Th đi làm ở Bình Dương và gửi cháu Thcho ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay Trần Thị N yêu cầu ly hôn với Trương Văn Th và đồng ý giao cháu Thcho Th nuôi dưỡng thì ông cũng đồng ý.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thẩm phán thực hiện chưa đúng qui định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (quá thời hạn chuẩn bị xét xử là 10 ngày).

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành qui định tại Điều 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N.

- Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N, giao cháu Trương Phúc Th sinh ngày 30/9/2009 cho anh Trương Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn Th và ông Trương Văn T nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Th và ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và ông T theo thủ tục chung.

- *Về nội dung*:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trần Thị N và anh Trương Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh Th chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình của chị N và anh Th không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ làm mất đi hạnh phúc, mặc dù cha mẹ hai bên đã khuyên nhiều lần nhưng anh, chị cũng không khắc phục được nên đã sống ly thân từ năm 2015. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn Th.

Xét thấy, từ ngày chị N và anh Th sống ly thân với nhau đến nay, thời gian sống ly thân đã lâu nhưng anh, chị cũng không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ lại. Tại phiên tòa chị N cho rằng tình cảm giữa chị với anh Th không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Th. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh Th đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, nếu không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì chị N và anh Th cũng không đoàn tụ lại được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trương Văn Th.

[2] *Về con chung:* chị N và anh Th chung sống với nhau có 01 con chung tên là Trương Phúc Thịnh, sinh ngày 30/9/2009 đang sinh sống với anh Th và ông T. Chị N đồng ý giao cháu Thcho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Xét thấy, từ khi chị N và anh Th sống ly thân với nhau cho đến nay thì cháu Thsinh sống với anh Th, do anh Th đi làm xa nên hiện nay cháu Thdo ông T là cha của anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng; cuộc sống của cháu đảm bảo, nguyện vọng của cháu Thcũng mong muốn được sống chung với anh Th; ông T cũng đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thkhi anh Th đi làm xa. Vì vậy, việc chị N giao cháu Thcho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Tại phiên tòa chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thcho đến khi cháu Thđủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Xét thấy, việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị N là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung:* không có

[4] *Về nợ chung:* không có

[5] *Về án phí:* chị Trần Thị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ban hành ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trương Văn Th.

2. *Về con chung*:

Giao cháu Trương Phúc Thịnh, sinh ngày 30/9/2009 cho anh Th nuôi dưỡng sau khi ly hôn (anh Th và ông T đang nuôi cháu Thịnh).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị N cấp dưỡng nuôi cháu Thmỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Thđủ 18 tuổi.

Anh Trương Văn Th và các thành viên trong gia đình của anh Th không được cản trở chị N đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. *Về tài sản chung*: không có

4. *Về nợ chung*: không có

5. *Về án phí*: chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng ngày 28/4/2017 theo biên lai số 10712 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí chị N phải nộp .

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thiêm

***Nơi nhận*:**
- *Toà án ND tỉnh Đồng Tháp;*
- *VKS ND huyện Châu Thành;*
- *Đương sự;*
- *THADS huyện Châu Thành;*
- *Lưu hồ sơ.*